

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1528/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo
đến năm 2030, định hướng đến năm 2035**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số
1610/TTr-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 1493/TTr-BGDĐT
ngày 26 tháng 7 năm 2026 về việc trình phê duyệt Chương trình quốc gia phát
triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo là nhiệm vụ quốc gia mang tính chiến lược, cấp bách, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy hình thành lực lượng lao động số góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030.

2. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo theo hướng toàn diện, đào tạo 03 tầng nhân lực: (i) tầng phổ cập nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả trong học tập, làm việc, sinh sống; (ii) tầng ứng dụng nhằm đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực có năng lực tích hợp, ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu của các vị trí việc làm theo các ngành nghề khác nhau; (iii) tầng chuyên sâu nhằm đào tạo đội ngũ nhà khoa học, kỹ sư, chuyên gia và giảng viên có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai và quản trị các hệ thống, nền tảng trí tuệ nhân tạo.

3. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo theo hướng tiếp cận năng lực, chuẩn hóa, tham chiếu các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

4. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo phải gắn với yêu cầu phát triển, triển khai và quản trị trí tuệ nhân tạo an toàn, tin cậy, minh bạch, có trách nhiệm và quản trị rủi ro; bảo đảm chủ quyền dữ liệu, an toàn hệ thống, an ninh mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước; tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.

5. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt và điều phối; thúc đẩy hợp tác công - tư, giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo; kết hợp thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo lại và và sử dụng hiệu quả nhân lực về trí tuệ nhân tạo; phát triển hệ sinh thái nhân lực trí tuệ nhân tạo gắn với phát triển các ngành công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển đội ngũ nhân lực trí tuệ nhân tạo có quy mô, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; đưa năng lực sử dụng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những năng lực thiết yếu của người học, người lao động, đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị; phát triển đội ngũ nhân lực trình độ cao, chuyên sâu có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai và quản trị các hệ thống trí tuệ nhân tạo an toàn, tin cậy và có trách nhiệm; hướng tới đưa Việt Nam trở thành quốc gia có năng lực phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm hàng đầu trong khu vực, góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo đảm lợi ích quốc gia trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phổ cập kiến thức, kỹ năng và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả cho người học, người lao động, đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị:

- Ít nhất 80% học sinh phổ thông, học sinh dự bị đại học được phổ cập kiến thức, kỹ năng cơ bản về trí tuệ nhân tạo phù hợp lứa tuổi; gắn với phát triển tư duy số, tư duy tính toán, đạo đức trong sử dụng trí tuệ nhân tạo và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

- Phần đầu 100% người học trong các cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% người học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về trí tuệ nhân tạo, đạo đức và an toàn dữ liệu; có năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm.

- Ít nhất 90% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập, 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động lĩnh vực giáo dục và đào tạo được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về trí tuệ

nhân tạo, có năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp, quản lý và quản trị, trong đó: tối thiểu 100.000 giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng chuyên sâu, có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ và lan tỏa năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm; ít nhất 10 triệu lao động được đào tạo, bồi dưỡng hoặc cập nhật kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cơ bản.

b) Phát triển nhân lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực: đào tạo mới, đào tạo chuyển đổi và bồi dưỡng nâng cao tối thiểu 50.000 nhân lực trình độ đại học trở lên, có năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm.

c) Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, chuyên sâu: đào tạo, bồi dưỡng ít nhất 10.000 nhân lực trình độ cao về trí tuệ nhân tạo, bao gồm nhà nghiên cứu, kỹ sư và chuyên gia có năng lực nghiên cứu, phát triển, làm chủ, triển khai, vận hành và quản trị các hệ thống trí tuệ nhân tạo tiên tiến, trong đó có ít nhất 1.500 chuyên gia có khả năng nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi và dẫn dắt các nhiệm vụ trí tuệ nhân tạo trọng điểm.

d) Hình thành hệ thống giáo dục tích hợp trí tuệ nhân tạo ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; 100% cơ sở giáo dục đại học triển khai quy định về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, nghiên cứu và đánh giá; ít nhất 80% chương trình đào tạo cấp văn bằng của giáo dục nghề nghiệp tích hợp chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo về năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với từng lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

đ) Phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo và nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo: hình thành ít nhất 10 trung tâm đào tạo và nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, trong đó có từ 5 đến 7 trung tâm trí tuệ nhân tạo đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, từng bước tiệm cận trình độ quốc tế; phát triển ít nhất 25 cơ sở giáo dục đại học là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo, triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, các chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI).

3. Định hướng đến năm 2035

a) Hình thành hệ sinh thái nhân lực trí tuệ nhân tạo hiện đại, bền vững, có khả năng thích ứng với sự phát triển của công nghệ và hội nhập quốc tế; năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành năng lực phổ biến của lực lượng lao động; trí tuệ nhân tạo trở thành công nghệ nền tảng thúc đẩy học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh và quản trị quốc gia.

b) Phát triển đội ngũ nhân lực trí tuệ nhân tạo có quy mô, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, các ngành công nghệ chiến lược và nâng cao năng lực tự chủ công nghệ của quốc gia. Hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học, giảng viên và nhà quản lý có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, phát triển, làm chủ và dẫn dắt công

nghệ trí tuệ nhân tạo và có năng lực cạnh tranh trong mạng lưới phát triển trí tuệ nhân tạo của khu vực và quốc tế.

c) Hình thành các trung tâm, chương trình đào tạo và nhóm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và quốc tế; có năng lực đào tạo nhân lực trí tuệ nhân tạo chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo lõi, thu hút chuyên gia quốc tế và tham gia sâu vào mạng lưới phát triển trí tuệ nhân tạo của khu vực và quốc tế.

d) Việt Nam trở thành quốc gia có năng lực phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo thuộc nhóm hàng đầu trong khu vực, có hệ sinh thái đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và quản trị trí tuệ nhân tạo an toàn, tin cậy và có trách nhiệm, đóng góp trực tiếp vào tăng năng suất lao động, đổi mới sáng tạo, chất lượng dịch vụ công, năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo vệ lợi ích quốc gia trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

III. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế về chuẩn năng lực và hệ thống quản trị phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo

a) Xây dựng Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia, trong đó quy định tiêu chuẩn đánh giá năng lực trí tuệ nhân tạo tham chiếu các khung năng lực trí tuệ nhân tạo và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm phù hợp với điều kiện Việt Nam.

b) Xây dựng, ban hành hướng dẫn áp dụng chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình bồi dưỡng về trí tuệ nhân tạo đối với một số nhóm đối tượng trọng tâm, bảo đảm thống nhất, liên thông giữa các trình độ đào tạo.

c) Rà soát, tích hợp phù hợp nội dung cơ bản về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức trong sử dụng công nghệ vào chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình và thẩm quyền; khuyến khích hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu và sáng tạo trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

d) Bổ sung chuẩn năng lực trí tuệ nhân tạo trong chuẩn nghề nghiệp theo từng đối tượng cụ thể theo thẩm quyền và phù hợp với từng ngành, nghề, vị trí việc làm; quy định về công nhận, đánh giá và chứng nhận năng lực trí tuệ nhân tạo nhằm thúc đẩy học tập suốt đời và dịch chuyển lao động.

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo, cho phép theo dõi, đánh giá và dự báo cung, cầu nhân lực và kỹ năng, làm cơ sở cho hoạch định chính sách và điều chỉnh chương trình đào tạo.

e) Thiết lập và vận hành cơ chế phối hợp liên bộ, liên ngành; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, bảo đảm gắn kết giữa giáo dục, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và thị trường lao động, nâng cao hiệu quả điều phối và triển khai Chương trình.

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo, chuyên gia và mạng lưới hỗ trợ đào tạo trí tuệ nhân tạo

a) Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ giảng viên, giáo viên ở các cấp học và trình độ đào tạo, bảo đảm phù hợp với Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia.

b) Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, chuyên gia trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, gắn đào tạo với nghiên cứu, ứng dụng và nhu cầu của doanh nghiệp; hình thành mạng lưới giảng viên/chuyên gia về trí tuệ nhân tạo.

c) Thu hút, trọng dụng chuyên gia trong nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế về làm việc, đào tạo nhân lực trí tuệ nhân tạo.

d) Khuyến khích luân chuyển, trao đổi chuyên gia giữa viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp, nhằm tăng cường gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và thực tiễn ứng dụng.

3. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, chuyên sâu và năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

a) Phát triển và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo gắn với lĩnh vực kỹ thuật then chốt, công nghệ chiến lược theo chuẩn quốc tế và đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ; khuyến khích các chương trình liên ngành AI+X gắn với các lĩnh vực ưu tiên.

b) Triển khai có hiệu quả các chính sách học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và sau tiến sĩ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ lõi phục vụ một số hướng ứng dụng có lợi thế so sánh của Việt Nam, gắn với nhu cầu phát triển quốc gia.

c) Hỗ trợ hình thành và phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, phòng thí nghiệm trọng điểm và trung tâm nghiên cứu xuất sắc về trí tuệ nhân tạo, bảo đảm điều kiện nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực chất lượng cao; khuyến khích các nhóm nghiên cứu liên ngành, gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu và bài toán thực tiễn trong nước.

d) Triển khai các chương trình đặt hàng gắn kết giữa nghiên cứu - đào tạo - chuyển giao công nghệ, huy động sự tham gia của Nhà nước, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; trong đó doanh nghiệp là đối tác đồng kiến tạo bài toán, dữ liệu và môi trường thử nghiệm.

đ) Tăng cường hợp tác quốc tế, liên kết với các cơ sở giáo dục đại học và viện nghiên cứu hàng đầu thế giới trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi nhân lực trí tuệ nhân tạo, nhằm tiếp cận tri thức tiên tiến và nâng cao năng lực nội sinh.

4. Phổ cập, đào tạo lại và nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho người học, người lao động, cán bộ, công chức, viên chức

a) Xây dựng và triển khai các chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng trí tuệ nhân tạo cơ bản cho người học, người lao động và đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng theo hình thức linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kết hợp đào tạo trực tuyến, trực tiếp, tự học có hướng dẫn, học tập cộng đồng và bồi dưỡng tại nơi làm việc.

b) Xây dựng các chương trình đào tạo lại nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo phù hợp với nhu cầu người lao động, vị trí việc làm và yêu cầu của ngành, lĩnh vực chịu tác động mạnh của trí tuệ nhân tạo, tập trung vào khả năng sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, tự động hóa quy trình, phối hợp người - máy, bảo vệ dữ liệu và thích ứng với thay đổi nghề nghiệp.

c) Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn tự học, tự tích lũy năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thông qua khóa học, công cụ tự học và thực hành sử dụng trí tuệ nhân tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh và các tổ chức xã hội nghề nghiệp tiếp cận chương trình bồi dưỡng trí tuệ nhân tạo, công cụ đánh giá năng lực, chuyên gia tư vấn và nguồn học liệu dùng chung để nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

đ) Ưu tiên hỗ trợ nhóm yếu thế, người lao động có nguy cơ bị thay thế bởi tự động hóa, người học ở vùng khó khăn, phụ nữ trong lĩnh vực công nghệ, người khuyết tật và các nhóm cần được bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng với năng lực trí tuệ nhân tạo.

e) Xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến mở nhằm phổ cập năng lực trí tuệ nhân tạo; phát triển hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo và phối hợp tích hợp, triển khai trên nền tảng Bình dân học vụ số cùng các nền tảng học tập số hiện có.

g) Hình thành xã hội học tập, cộng đồng học tập, trong hệ thống giáo dục quốc gia phù hợp với từng tầng tiếp cận: tổ chức đào tạo khóa học, môn học sử dụng nền tảng số, tài nguyên giáo dục mở với tầng phổ cập; phát triển các mô hình đào tạo tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (X+AI) và các chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với từng nhóm đối tượng, trình độ và nhu cầu nghề nghiệp (AI+X).

5. Gắn đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động

a) Triển khai cơ chế đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và thị trường lao động; thúc đẩy hợp tác giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong triển khai đào tạo theo đơn đặt hàng đối với các chương trình đào tạo ngắn hạn, cấp tốc theo yêu cầu của doanh nghiệp, các nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia.

b) Nghiên cứu, đề xuất và triển khai theo thẩm quyền các mô hình thử nghiệm có kiểm soát “sandbox” trong đào tạo, thực hành và ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật.

c) Phát triển và nhân rộng các mô hình đào tạo gắn với thực tiễn như thực tập, đào tạo gắn với thực hành tại doanh nghiệp; thực hiện cơ chế đồng hướng dẫn giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; thúc đẩy các mô hình học kỳ doanh nghiệp, học tập trải nghiệm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.

d) Áp dụng cơ chế ưu đãi tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào các phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở giáo dục.

đ) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tiếp nhận thực tập, đào tạo lại lao động và phối hợp triển khai các mô hình trí tuệ nhân tạo ứng dụng theo ngành nghề, lĩnh vực.

e) Xây dựng và phát triển hệ sinh thái kết nối tuyển dụng, sử dụng và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, tăng cường phối hợp, kết hợp giữa nhà trường, thị trường lao động và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

g) Nghiên cứu cơ chế tài chính hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động bị tác động bởi trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và chuyển đổi số; trong đó ưu tiên khai thác, lồng ghép với chính sách phát triển kỹ năng nghề, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp, các chương trình đào tạo lại hiện có, nguồn xã hội hóa, hợp tác công - tư và đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết, nghiên cứu đề xuất mô hình quỹ hoặc cơ chế tài chính chuyên biệt theo quy định của pháp luật.

6. Phát triển hạ tầng, dữ liệu và môi trường thực hành dùng chung phục vụ đào tạo trí tuệ nhân tạo

a) Kết nối, chia sẻ và khai thác hạ tầng trí tuệ nhân tạo trong mạng lưới hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia.

b) Phát triển các nền tảng dùng chung về học liệu, mô hình, công cụ và môi trường thực hành trí tuệ nhân tạo, hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trên phạm vi toàn quốc; ưu tiên tích hợp với hạ tầng tính toán và kho dữ liệu dùng chung, hình thành hệ sinh thái thực hành trí tuệ nhân tạo trực tuyến.

c) Thiết lập và thực hiện cơ chế tiếp cận, phân bổ và sử dụng tài nguyên tính toán và dữ liệu đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu và nhóm nghiên cứu, bảo đảm công bằng, hiệu quả và ưu tiên cho các nhiệm vụ trọng điểm; quy định rõ đơn vị quản trị, quy trình đăng ký - phê duyệt - giám sát sử dụng và cơ chế ưu tiên cho các chương trình, nhóm nghiên cứu đạt chuẩn.

7. Truyền thông, nâng cao nhận thức và phổ cập kỹ năng trí tuệ nhân tạo

a) Đẩy mạnh truyền thông xã hội về trí tuệ nhân tạo, kết hợp phát triển các nền tảng tự học, chương trình học tập cộng đồng và tài nguyên mở, nhằm mở rộng khả năng tiếp cận và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trí tuệ nhân tạo.

b) Tổ chức hướng dẫn và phổ biến việc sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, gắn với các nguyên tắc đạo đức, pháp lý và bảo vệ dữ liệu.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách cấp cho các bộ, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư và các quy định pháp luật liên quan.

2. Nguồn thu hợp pháp của các cơ sở đào tạo theo quy định pháp luật.

3. Nguồn lực của doanh nghiệp; nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, hợp tác công - tư, các quỹ và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Làm đầu mối xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình này, phân công nhiệm vụ theo tinh thần “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm”; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình, kết quả thực hiện Chương trình; trường hợp cần thiết, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn về quản lý, tổ chức thực hiện và các nội dung có liên quan để bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng quy định của pháp luật. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất, kiến nghị tại Tờ trình số 1610/TTr-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Tờ trình số 1493/TTr-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2026.

b) Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo.

c) Xây dựng tiêu chí lựa chọn các cơ sở đào tạo là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo, triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo, các chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI).

d) Chủ trì xây dựng, phát triển hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo trên các nền tảng học tập số bao gồm nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ Công an chủ trì.

đ) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ liên ngành của Chương trình.

e) Chủ trì xây dựng bộ chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Việc đánh giá Chương trình được thực hiện định kỳ hằng năm; sơ kết vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành mình để triển khai Chương trình; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai Chương trình bảo đảm hiệu quả.

b) Hướng dẫn và ưu tiên kết nối hạ tầng tính toán, dữ liệu, nền tảng dùng chung phục vụ nghiên cứu, đào tạo và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ phát triển các phòng thí nghiệm, nhóm nghiên cứu mạnh và trung tâm nghiên cứu xuất sắc về trí tuệ nhân tạo.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển chuyên gia, nhà khoa học, nhóm nghiên cứu và nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy hợp tác quốc tế về nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo.

d) Tham mưu thực hiện, rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút nhân tài về trí tuệ nhân tạo, tạo môi trường làm việc hấp dẫn, hình thành mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trí tuệ nhân tạo trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài; phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ trong nghiên cứu và phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo.

3. Bộ Công an

Chủ trì hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan bảo đảm an ninh mạng, an toàn hệ thống thông tin, an toàn dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình triển khai Chương trình.

4. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Nghiên cứu đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung cơ chế ưu đãi thuế, tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào các phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở giáo dục đại học.

5. Bộ Nội vụ

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành mình để triển khai Chương trình; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai Chương trình bảo đảm hiệu quả.

b) Chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo dõi, phân tích xu hướng chuyển dịch việc làm, nhu cầu kỹ năng và tác động của trí tuệ nhân tạo đối với thị trường lao động, phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo nhu cầu nhân lực và hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực.

c) Chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động chịu tác động của trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và chuyển đổi số.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành mình để triển khai Chương trình; ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

b) Xác định nhu cầu nhân lực trí tuệ nhân tạo ngành, lĩnh vực; tham gia đặt hàng đào tạo; xác định hoặc đề xuất yêu cầu năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực, vị trí việc làm; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, cập nhật khung hoặc chuẩn năng lực liên quan.

c) Triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo, triển khai phổ cập trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngành quản lý; lồng ghép yêu cầu năng lực trí tuệ nhân tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trực thuộc chủ động xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình.

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình triển khai Chương trình trước ngày 30 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Căn cứ vào các nhiệm vụ tại Chương trình và điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch của địa phương mình để triển khai Chương trình; nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách và ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

b) Xác định nhu cầu nhân lực trí tuệ nhân tạo của địa phương; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực trí tuệ nhân tạo, thực hiện phổ cập trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, người lao động, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và các nhóm đối tượng cần hỗ trợ.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội phối hợp với cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, địa phương và cơ quan quản lý nhà nước trong triển khai đào tạo lại, nâng cao kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho người lao động; tham gia xây dựng, đánh giá, phản hồi chất lượng đào tạo, mức độ phù hợp của kỹ năng trí tuệ nhân tạo, khả năng đáp ứng công việc của người học trong thực tiễn.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). D_{Nam}

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Tiến Châu



Phụ lục I
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN
NHÂN LỰC TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
I	Đào tạo trong nước							
1	Học sinh phổ thông được học trí tuệ nhân tạo	%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	10	30	50	65	80
2	Người học giáo dục đại học được trang bị kiến thức, kỹ năng trí tuệ nhân tạo	%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	30	55	75	90	100
3	Người học giáo dục nghề nghiệp được học trí tuệ nhân tạo	%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	15	35	50	65	80
4	Nhân lực trí tuệ nhân tạo ứng dụng đào tạo mới, đào tạo chuyển đổi, đào tạo nâng cao	Người (lũy kế)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	5.000	15.000	28.000	40.000	50.000
5	Nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, chuyên sâu	Người (lũy kế)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	500	2.500	5.000	7.500	10.000
6	Giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về trí tuệ nhân tạo	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	10.000	30.000	55.000	80.000	100.000
7	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập được bồi dưỡng, cập	%	Bộ Nội vụ	15	35	55	75	90

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	nhật kiến thức, kỹ năng về trí tuệ nhân tạo							
8	Người lao động được bồi dưỡng kỹ năng trí tuệ nhân tạo	Triệu người	Bộ Nội vụ	0,5	2	4	7	10
II	Đào tạo nước ngoài							
1	Nghiên cứu sinh trí tuệ nhân tạo đào tạo ở nước ngoài	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	50	120	220	330	500
2	Thạc sĩ trí tuệ nhân tạo đào tạo ở nước ngoài	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	50	150	300	450	600
3	Giảng viên, nhà khoa học được đào tạo, thực tập tại nước ngoài	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	100	300	600	900	1.200
4	Chuyên gia được cử đào tạo ngắn hạn	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	200	500	900	1.300	1.800

Ghi chú: Chỉ tiêu 1.500 chuyên gia là bộ phận thuộc chỉ tiêu 10.000 nhân lực trình độ cao; các chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài có thể được tính trong tổng chỉ tiêu tương ứng nếu đáp ứng tiêu chí của Chương trình.



Phụ lục II

**LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO,
NGHIÊN CỨU TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu trí tuệ nhân tạo	Trung tâm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	4	6	8	10
2	Trong đó đạt trình độ khu vực, quốc tế	Trung tâm	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	2	3	5	5-7
3	Cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trí tuệ nhân tạo	Cơ sở	Bộ Giáo dục và Đào tạo	5	10	15	20	25
4	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trí tuệ nhân tạo	Cơ sở	Bộ Giáo dục và Đào tạo	8	15	22	28	35
5	Phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo hiện đại	Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ	5	10	18	25	35
6	Nhóm nghiên cứu mạnh trí tuệ nhân tạo	Nhóm	Bộ Khoa học và Công nghệ	10	20	35	45	60



Phụ lục III
LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC QUỐC TẾ, DOANH NGHIỆP VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ỨNG DỤNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cơ quan chủ trì	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho người lao động	% doanh nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ	5	10	18	25	30
2	Thỏa thuận hợp tác giữa cơ sở giáo dục với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo	Thỏa thuận	Bộ Giáo dục và Đào tạo	50	120	200	280	350
3	Chuyên gia doanh nghiệp, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo trí tuệ nhân tạo	Người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	200	500	800	1.100	1.500
4	Chương trình đào tạo tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) được xây dựng hoặc cập nhật	Chương trình	Bộ Giáo dục và Đào tạo	30	70	110	140	150
5	Chương trình đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên (X+AI) được xây dựng hoặc cập nhật	Chương trình	Bộ Giáo dục và Đào tạo	20	60	100	130	150
6	Chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu và trao đổi nhân lực trí tuệ nhân tạo	Chương trình	Bộ Giáo dục và Đào tạo	15	30	50	70	100



Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA
VỀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035
(Kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Chuẩn chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo cho giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan, các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Chuẩn chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo cho giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Tháng 3/2027
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành khác có liên quan, các Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo	Giai đoạn 2026 - 2030
3	Xây dựng Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia bảo đảm bao quát, liên thông và có tiêu chí áp dụng cho từng nhóm đối tượng, bao gồm người học và người dạy	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ ngành khác có liên quan, các Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia	Tháng 06/2027
4	Hướng dẫn và ưu tiên kết nối hạ tầng tính toán, dữ liệu, nền tảng dùng chung phục vụ nghiên cứu, đào tạo và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ phát triển các phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; các bộ, ngành,	Cơ chế/hướng dẫn phân bổ, sử dụng, giám sát tài nguyên tính toán và dữ liệu; tiêu chí ưu tiên; quy trình đăng ký - phê	Giai đoạn 2027 - 2030

STT	Tên chương trình, đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	thí nghiệm, nhóm nghiên cứu mạnh và trung tâm nghiên cứu xuất sắc về trí tuệ nhân tạo		địa phương; cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ	duyet - giám sát được ban hành	
5	Xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến mở nhằm phổ cập trí tuệ nhân tạo cho toàn dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp liên quan	Các khóa học đại trà trực tuyến mở nhằm phổ cập trí tuệ nhân tạo toàn dân được xây dựng, rà soát, cập nhật	Hàng năm
6	Xây dựng tiêu chí lựa chọn các cơ sở giáo dục đại học là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo, xây dựng các mô hình hợp tác với doanh nghiệp, chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI) gắn với các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Bộ tiêu chí lựa chọn được xây dựng và số cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về trí tuệ nhân tạo, xây dựng các mô hình hợp tác với doanh nghiệp, chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI) gắn với các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	Tháng 12/2026
7	Xây dựng, phát triển hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo trên các nền tảng học tập số, bao gồm nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ Công an chủ trì	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an	Hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo trên các nền tảng học tập số	Tháng 3/2027

STT	Tên chương trình, đề án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
8	Hướng dẫn kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ Trung tâm Dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo theo quy định của pháp luật	Bộ Công an	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan	Hướng dẫn kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ Trung tâm Dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo	Hàng năm
9	Triển khai Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Kế hoạch và các nội dung triển khai Đề án	Giai đoạn 2027 - 2030
10	Triển khai Đề án phát triển một số cơ sở đào tạo trở thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành liên quan	Kế hoạch và các nội dung triển khai Đề án	Giai đoạn 2026 - 2030
11	Nghiên cứu đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung cơ chế ưu đãi thuế, tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào các phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở giáo dục đại học	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ chế ưu đãi thuế, tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào các phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo tại các cơ sở giáo dục đại học được rà soát hoặc đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung	Tháng 12/2027
12	Hướng dẫn và thực hiện triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo; thực hiện phổ cập trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý	Các bộ, ngành liên quan, các Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố	Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo; chương trình phổ cập trí tuệ nhân tạo được thực hiện	Thường xuyên